TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 956/2026/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1407/2026/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 06 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phan Thành D, sinh năm 1973; số CCCD: 052073000197, ngày cấp 18/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Nơi thường trú: G đường Đ, Ấp H, xã Đ, TP .; Nơi cư trú: Số I T, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1977, số CCCD: 079177006459, ngày cấp 02/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Nơi cư trú: G đường Đ, Ấp H, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 119.TH, quyển số 01/96, do Ủy ban nhân dân huyện H,Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 02/3/1996 (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), ông Phan Thành D và bà Trần Thị T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thỏa thuận của các đương sự:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thành D và bà Trần Thị T cùng trình bày: Ông, bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 1996 Trong quá trình chung sống, giữa hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Nay cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly

hôn. Do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông D và bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Trần Thanh T1, sinh ngày 18/3/1997 và Phan Trần Thanh T2, sinh ngày 09/01/2003, cả hai con chung đều đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng do ông Phan Thành D và bà Trần Thị T chịu, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034444, ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thành D và bà Trần Thị T thuận tình ly hôn (Ông Phan Thành D và bà Trần Thị T đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 119.TH, quyển số 01/96, do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là xã Đ, TP .) cấp ngày 02/3/1996).

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Trần Thanh T1, sinh ngày 18/3/1997 và Phan Trần Thanh T2, sinh ngày 09/01/2003, cả hai con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự là: 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng do ông Phan Thành D và bà Trần Thị T chịu, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034444, ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông D và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 119.TH, quyển số 01/96, do Ủy ban nhân dân huyện H,Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 02/3/1996 (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) không còn hiệu lực kể từ ngày Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – TP. HCM;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVDS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Long Sơn